PHONG TRÀO KHÁNG PHÁP DƯỚI NGỌN CỜ CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ DẤU ẤN LỊCH SỬ CƠ BẢN

PGS.TS. NGUYỄN VĂN ĐĂNG
ThS. NGUYỄN THỊ THUỲ NHUNG
Trường Đại học Khoa học Huế

1. Sự lựa chọn kinh đô kháng chiến của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình

Sau khi kinh đô Huế thất thủ (5/7/1885), Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi cùng tam cung, hoàng thân, quan lại trong triều thuộc phe chủ chiến rời khỏi kinh thành Huế, bắt đầu một cuộc kháng chiến gian khổ để giành lại độc lập cho dân tộc.

Trên con đường Cần Vương gian nan đó, vua tôi Hàm Nghi đã ghi lại dấu ấn đậm nét ở mảnh đất Quảng Bình. Xuất phát từ kinh thành Huế, xa giá của vua Hàm Nghi men theo tả ngạn sông Hương, đi qua cầu Bạch Hổ, đi lên thẳng chùa Thiên Mụ, đến chiều ngày 6 tháng 7 năm 1885 đoàn người đến thành Quảng Trị. Tại đây, phái chủ chiến đã có sự phân hóa: Tam cung đứng đầu là Từ Dũ Thái hậu và phần đông quan lại do không quen chịu gian khổ nên đã trở về kinh đô Huế; vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết cùng các võ tướng, các quan văn có khí phách và tinh thần chống Pháp thì lên Tân Sở vào ngày 10 tháng 7 năm 1885, tiếp tục cuộc kháng Pháp.



Vua Hàm Nghi khi đã bị bắt



Tôn Thất Thuyết

Tân Sở là kinh đô dự phòng đã được Tôn Thất Thuyết chuẩn bị từ năm 1875 và xúc tiến mạnh công việc chuẩn bị từ năm 1883. Tuy nhiên, đây chỉ là nơi dừng chân chứ không thể là nơi đóng quân lâu dài. Bởi vì mặc dù có địa hình hiểm trở, nhưng Tân Sở ở cái thế khó có thể mở rộng ra xung quanh, khi Pháp tấn công thì dễ bị cô lập và bị tiêu diệt. Do vậy, cho dù Tân Sở có đầy đủ kho trại, lương thực, vũ khí đã dự trữ sẵn, nhưng Tôn Thất Thuyết vẫn hạ lệnh bỏ Tân Sở (18/7/1885) và đưa vua Hàm Nghi tiến ra phía Bắc.[1]

Đầu tháng 9 năm 1885, sau nhiều ngày trèo đèo lội suối trên đất Lào, vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng đến được vùng Hàm Thao, gần Sơn phòng Hà Tĩnh. Tổng đốc Nghệ An kiêm chỉ huy Sơn phòng Hà Tĩnh là Nguyễn Chánh đã đem quân đón tiếp. Biết tin vua Hàm Nghi ở lại Hà Tĩnh, quân Pháp đã tổ chức lực lượng tiến đánh để bắt nhà vua nhằm dập tắt phong trào kháng chiến. Trước tình hình đó, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng lui vào vùng Bãi Đức, Quy Đạt (vào ngày 17/10/1885) thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để tránh giặc. Từ đây, mảnh đất Quảng Bình mà cụ thể là vùng thượng lưu sông Gianh đã trở thành "Kinh đô kháng chiến" trong giai đoạn đầu của phong trào Cần Vương (10/1885 - 10/1888).[2]

Trên chặng đường từ Huế đến Quảng Bình, vua Hàm Nghi đã 2 lần xuống dụ Cần Vương để kêu gọi nhân dân chống Pháp. Lần thứ nhất là vào ngày 13 tháng 7 năm 1885 ở thành Tân Sở, kêu gọi sĩ phu cùng dân chúng khắp cả ba miền đứng lên chống Pháp để "chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, khôi phục lại bờ cõi" cho quốc gia.[3] Lần thứ hai là vào ngày 19 tháng 9 năm 1885, lúc vua Hàm Nghi đang ở Sơn phòng Hà Tĩnh, nhằm để vạch trần âm mưu thống trị của người Pháp và vai trò tay sai của những kẻ bán nước ở triều đình Huế, kêu gọi toàn dân tự giác đứng lên cùng với nhà vua đánh Pháp, giành lại chủ quyền cho dân tộc.[4]

Việc chọn miền Tây Quảng Bình làm nơi đứng chân bởi nhiều lý do. Quảng Bình có địa hình đồi núi chiếm diện tích khá lớn, lại có con sông Gianh chảy quanh, càng lên cao, đồi núi, sông suối càng quanh co, hiểm trở, tạo ra

---

[1]. Thật ra đó là một quá trình đầy chông gai. Ngày 18/7, vua hàm Nghi rời Tân Sở nhưng khi nghe tin quân Pháp đang truy lùng gắt gao ở Quảng Bình, vua đành quay lại Tân Sở (22/7). Ngày 26/7, nhà vua rời Tân Sở qua Mai Lĩnh, lên Đakrông rồi sang Lào và đến tháng 9 mới tới được Hà Tĩnh. Xem thêm Nguyễn Thị Thùy Nhung (2013), "Quảng Bình tâm điểm của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX", Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 254, 2/2013, tr.38.

[2]. Nguyễn Quang Trung Tiến (2012), "Vua Hàm Nghi và sơn triều kháng Pháp ở Quảng Bình", Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia về "Danh nhân Quảng Bình", Quảng Bình, tr.375.

[3]. Tập san Văn Sử, "Ngày thất thủ kinh thành Huế 23 tháng 5 Ất Dậu", Trung tâm Liễu Quán xuất bản, Huế, 1974, tr.101.

[4]. Vũ Văn Tĩnh, "Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi", Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 140, 1971, tr.54-56.

nhiều hang động, lèn đá, thung lũng… rất thuận lợi cho việc hoạt động quân sự. Phía Bắc giáp địa phận tỉnh Hà Tĩnh; phía Nam giáp với các vùng đồng bằng duyên hải, nằm trên tuyến đường giao thông giữa hai miền Nam, Bắc; còn phía Tây là núi rừng hiểm trở chạy dọc theo dãy Trường Sơn, giáp với nước Lào. Có thể nói, rừng núi Quảng Bình là địa thế chiến lược có một không hai trên suốt dải đất Bình Trị Thiên, một địa thế rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Thêm nữa, vào thời điểm này, vùng đất hai huyện miền núi Tuyên Hóa và Minh Hóa của Quảng Bình vốn dĩ là địa bàn rừng nguyên sinh, xen lẫn trong hệ thống karst [5] là các thung lũng, sông suối, tài nguyên rừng vô cùng phong phú có thể đảm bảo được vấn đề lương thực, thực phẩm, cho hoạt động của nghĩa quân. Với sự ủng hộ của quân dân Quảng Bình, quân đội triều đình đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã gặp nhiều thuận lợi trong việc xây dựng địa bàn đóng quân. Trái lại, đối với thực dân Pháp, Quảng Bình là vùng đất hiểm trở, khó khăn cho việc vận chuyển quân từ Huế ra, Đồng Hới lên và từ Vinh vào để hành quân, đóng đồn, bởi phương tiện giao thông và cơ sở hậu cần là vấn đề rất khó giải quyết của thực dân Pháp. Pháp lại không thông thạo địa hình ở đây và vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nhân dân nên rất khó hành quân và thực hiện ý đồ chiến lược của chúng.

Như vậy, không chỉ yếu tố địa hình mà nhân tố con người cũng là một nhân tố khiến phong trào Cần Vương ở đây phát triển. Cốt cách con người Quảng Bình có nhiều nét đặc trưng nổi bật - đó là những con người nồng hậu, bộc trực và lạc quan hài hước, can trường và quả cảm hy sinh trong chiến đấu và nặng nghĩa tình trong đời thường… Quảng Bình cũng là quê hương của những danh sĩ nổi tiếng quyết tâm chống Pháp xâm lược như Thống tướng Lê Sĩ, Quân vụ đại thần Hoàng Kế Viêm… Có thể nói, Quảng Bình là một trong những vùng "Địa linh - Nhân kiệt" của đất nước ta. [6]

Như vậy, mảnh đất Quảng Bình với địa thế "núi vây ba mặt, biển giăng một bề" đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào Cần Vương rải đều khắp nơi, từ miền xuôi đến miền núi, từ đồng bằng đến ven biển, khiến cho quân Pháp và triều đình gặp nhiều khó khăn trong việc đưa quân đi đàn áp, buộc chúng phải phân tán lực lượng đóng giữ ở các đồn. Vì thế nên phạm vi kiểm soát, quyền khống chế của địch vì thế không vượt ra ngoại vi các đồn là bao nhiêu, còn nghĩa quân thì như làm chủ cả một vùng rộng lớn. Địa bàn trên giúp cho cuộc

---

[5]. Karst (tiếng Đức: Karst) là hiện tượng phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn. Sản phẩm tự nhiên của quá trình phong hóa karst là các hang động với các nhũ đá, măng đá, sông suối ngầm,... Các hang động nổi tiếng tại Việt Nam là: Động Thiên Cung, hang Sửng Sốt (vịnh Hạ Long), động Phong Nha (Quảng Bình), hồ Thang Hen (Cao Bằng), động Hương Tích (Hà Nội), Tam Cốc - Bích Động, hang động Tràng An (Ninh Bình)...

[6]. Nguyễn Tri Nguyên, "Thử luận giải địa linh - nhân kiệt Quảng Bình", Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia về "Danh nhân Quảng Bình", Quảng Bình, tr.17.

kháng chiến của vua tôi Hàm Nghi có thể đứng vững và tồn tại lâu dài hơn so với các nơi khác.

Mặc dù vẫn còn những khó khăn nhất định như căn cứ kháng chiến ở thượng nguồn sông Gianh là nơi đất đai khô cằn, dân số ít, sống rải rác ở một địa bàn phức tạp, còn vùng trung lưu, đồng bằng thì có điều kiện sản xuất nhưng lại gần nơi địch đóng quân và dễ dàng đàn áp, tuy vậy việc lựa chọn Quảng Bình làm nơi xây dựng căn cứ kháng chiến đã chứng tỏ tầm nhìn chiến lược của Tôn Thất Thuyết. Lựa chọn thượng lưu hai con sông Ngàn Sâu (chảy về Bến Thủy) và sông Gianh (chảy về Quảng Khê) làm căn cứ kháng chiến là một sự sáng suốt, bởi nếu tiến thì có thể làm chủ cả hai lưu vực trù phú và đông dân, nhờ đó mà liên lạc được với các tỉnh phía Bắc; thoái thì vào vùng rừng sâu núi cao sát biên giới Lào - Việt để an toàn ra Thanh Nghệ hay Bắc Kỳ. Nói về căn cứ này, ngay cả thực dân Pháp cũng nhận định: "Địa thế này được chọn lấy một cách khôn khéo, nó liên lạc giữa hai tỉnh từ hàng mấy thế kỷ nay được nổi danh là đất nhà quan, đất sĩ phu, còn hơn là tỉnh khác, hai tỉnh này sẵn sàng chống lại uy quyền của ta".[7]

2. Những thành tựu và dấu ấn lịch sử cơ bản của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình

Nhờ những điều kiện thuận lợi trên, Quảng Bình trở thành nơi vua Hàm Nghi xây dựng căn cứ và đứng chân lâu nhất. Và chính việc được vua tôi Hàm Nghi chọn làm nơi đóng quân đã tác động trở lại phong trào chống Pháp nơi đây, khiến Quảng Bình trở thành tâm điểm của phong trào Cần Vương thời kỳ đầu. Các cuộc khởi nghĩa nổ ra mạnh mẽ với những tên tuổi nổi tiếng như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Trần Văn Định, Đoàn Đức Mậu, Hoàng (Văn) Phúc, Lê Mô Khởi… đã làm nên những sắc màu nổi bật cho phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình.

2.1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

- Cuộc khởi nghĩa đầu tiên cần phải nhắc tới là khởi nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân[8] ở vùng thượng lưu sông Gianh. Căn cứ kháng chiến của Nguyễn Phạm Tuân ở vùng Yên Lương - Cổ Liêm[9]. Hưởng ứng dụ Cần Vương, Nguyễn Phạm Tuân đã đứng lên mộ dân khởi nghĩa, được phong làm Hồng Lô tự khanh sung Tán lý quân vụ, sau được thăng chức Thượng tướng quân bên

---

[7]. Trần Văn Giàu (2001), Chống xâm lăng (Lịch sử Việt Nam từ 1858-1898), Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.574.

[8]. Nguyễn Phạm Tuân sinh năm Nhâm Thân (1842) tự là Tử Trai, sau đổi là Dưỡng Tăng, hiệu là Minh Phong, ở làng Kiên Bính, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh (nay thuộc khu phố Hải Đình, thị xã Đồng Hới) trong một gia đình Nho học, nhiều đời cha con thi đỗ đồng khoa, nhiều đời là công thần nhà Lê. (Dẫn lại theo: Nguyễn Tú (2002), Quảng Bình nhân vật chí, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, tr.392.

cạnh Tôn Thất Đàm để giúp vua đánh giặc (1886). Nguyễn Phạm Tuân đã cùng với Tôn Thất Đàm chiến đấu bảo vệ căn cứ Khe Ve và vua Hàm Nghi. Tại trận Khe Ve ngày 17 tháng 1 năm 1886, nghĩa quân đã bắn chết viên quan hai Cannus, viên quan ba Hugot cũng bị bắn trọng thương, về đến Vinh (Nghệ An) thì chết.

Cũng tại Khe Ve, cuối tháng 1 năm 1886, quân Pháp lại mở chiến dịch lớn dưới sự chỉ huy của đại tá Metzinger càn quét vào chỗ ở của nhà vua, nhằm bắt sống vua và đánh đòn chí mạng vào nghĩa quân. Từ Khe Ve quân Pháp toả đi các hướng chung quanh, nhưng cuộc hành binh không thu được kết quả, quân Pháp đã bị đánh trả khắp nơi. Cuối cùng, đại tá Metzinger phải bỏ dở cuộc hành quân rồi rút toàn bộ ba cánh quân về Đồng Hới ngày 7 tháng 3 năm 1886.[10]

Đầu năm 1887, nghĩa quân đã có nhiều trận đánh ác liệt chống lại cuộc hành binh của quân Pháp khiến Pháp thất bại và rút quân về lại Quảng Khê. Kế hoạch bình định vùng thượng lưu sông Gianh của Pháp không thành.

Nguyễn Phạm Tuân còn phối hợp với nghĩa quân của Lê Trực tiến hành kháng chiến và thu được nhiều thắng lợi đáng kể. Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Phạm Tuân đã đánh dấu một bước phát triển cao của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình. Trong bối cảnh khó khăn của phong trào Cần Vương, Nguyễn Phạm Tuân cùng với một số nhân vật chủ chốt đã trở thành người kiến thiết quan trọng đối với công tác xây dựng, tổ chức và phát triển của nghĩa quân trong thời gian hoạt động ở Quảng Bình.[11] Khi bị vây bắt, dù thực dân Pháp tìm cách mua chuộc, thuyết phục ông đầu hàng nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết và sau đó ông uống thuốc độc tự vẫn vào ngày 10 tháng 4 năm 1887.

Có thể nói, Nguyễn Phạm Tuân là một lãnh tụ nổi tiếng và có nhiều đóng góp trong phong trào Cần Vương. Điều đó không chỉ được nhân dân và triều đình kháng chiến Hàm Nghi biết đến mà cả triều đình Đồng Khánh cũng phải công nhận. Khi phủ dụ không được Nguyễn Phạm Tuân thì Đồng Khánh đã treo thưởng và ban chức tước cho những ai bắt hoặc giết được ông: "Người nào chém được đầu sỏ Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Phạm Tuân thì thưởng quan hàm có thứ bậc (bắt sống thì bổ quan tam phẩm và thưởng 200 lạng bạc, chém được thì bổ quan tứ phẩm và 100 lạng bạc)".[12]

---

[9]. Nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

[10]. Nguyễn Tú (2002), Quảng Bình nhân vật chí, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, tr.396-397.

[11]. Nguyễn Tất Thắng, Nguyễn Văn Sang (2012), "Góp phần tìm hiểu Nguyễn Phạm Tuân và đóng góp trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình (1885-1887)", Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia về "Danh nhân Quảng Bình", Quảng Bình, tr.414-415.

[12]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, tập 9, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.270.

- Ở vùng trung lưu sông Gianh, Lê Trực [13] tập hợp nghĩa quân xây dựng lực lượng kháng chiến tại núi Chóp Chài thuộc làng Thanh Thủy, tổng Thuận Lễ, phủ Quảng Trạch (nay là xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa). Nghĩa quân của ông còn liên kết với các cánh quân Cần Vương trong vùng như cánh quân của Nguyễn Phạm Tuân (ở Yên Lương - Cổ Liêm), quân của Lê Mô Khởi (ở Trại Nái, Cao Lao Hạ), cánh quân của Mai Lượng (ở Cao Mại), cánh quân của ông Tú Di Luân (Trần Văn Định) và Phạm Thế Lộc (ở đèo Ngang), phối hợp với quân Hoàng Phúc ở Lèn Bạc (Lệ Thủy), quân Đề Chít, Đề Én ở Kim Sen (Quảng Ninh)… Nghĩa quân của Lê Trực đã chủ động tấn công vào các nhà thờ - nơi Pháp thường dựa vào các cha cố để lập đồn lũy chống các phong trào kháng chiến của nghĩa quân, rồi sau đó bí mật rút quân trước khi viện binh của Pháp kéo đến. Với sự dũng cảm thiện chiến, nghĩa quân Lê Trực đã lập được nhiều chiến công và khiến Pháp phải nơm nớp lo sợ. Trong phong trào Cần Vương, uy tín của Lê Trực rất lớn, không chỉ vang dội ở ba huyện phía Bắc mà còn ở cả hai huyện phía Nam Quảng Bình.

Nghĩa quân của Lê Trực đã đánh trả quyết liệt cuộc tấn công của đại úy Mouteaux ngày 5 tháng 10 năm 1885 khiến quân Pháp phải rút quân về phòng thủ ở Quảng Khê. Nhân đó, quân Lê Trực đã tràn xuống đánh phá các đường giao thông khắp huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, kể cả đường đèo Ngang thông với Hà Tĩnh gây cho Pháp nhiều trở ngại trong công cuộc bình định.

Trong cuộc khởi nghĩa của ông, nhân dân tham gia với nhiều hình thức khác nhau, nhà giàu thì bỏ tiền, giúp gạo, mua sắm vũ khí, mua quần áo, mộ binh tuyển quân đánh giặc, nhà nghèo thì đóng góp công sức phục vụ chiến đấu và tham gia chiến đấu. Dưới quyền chỉ huy của Lê Trực là các tướng lĩnh nghĩa binh tiêu biểu như Cao Thượng Chí, Lãnh Ảnh, Lãnh Kỳ, Lãnh Mưu, Lãnh Phiên, Ông Tú Luân, Lãnh Khương… Bên cạnh đó, phải kể đến sự tham gia tích cực của vợ và hai con gái của Lê Trực và Lê Thị Não (văn thư) và Lê Thị Ngão (y tế). [14]

- Cuộc khởi nghĩa của Trần Văn Định[15] ở làng Di Luân, thuộc vùng Roòn, nằm trên bờ biển sát đèo Ngang cũng là một cuộc khởi nghĩa hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi. Trần Văn Định đã tập hợp dân làng Di Luân và các làng lân cận lập căn cứ ở Đuổi, gần Kim Long - Kẻ Càng. Nghĩa

---

[13]. Lê Trực (còn gọi là Lê Văn Trực), là Đề đốc hộ thành Hà Nội, vì theo Hoàng Kế Viêm, tham gia trận đánh Cầu Giấy (19/5/1883) mà bị cắt chức, lui về ẩn dật ở quê nhà.

[14]. Võ Thị Ngọc Lan (2004), Những hoạt động chống Pháp và những dấu tích của triều đình kháng chiến Hàm Nghi trên đất Quảng Bình, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Sử học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH Huế, tr.417.

[15]. Trần Văn Định đỗ tú tài và quê ở Di Luân nên còn được gọi là "Ông Tú Di Luân".

quân của Trần Văn Định không đông như các nơi khác, nhưng rất nhiều người giỏi võ nghệ và gan dạ. Mục tiêu của nghĩa quân là đồn Roòn và các đồn bốt lân cận. Năm 1886, nghĩa quân của Trần Văn Định đánh úp vùng Roòn, tiêu diệt tên đội trưởng, khiến quân Pháp vô cùng lo sợ. Ngoài ra, Trần Văn Định còn tìm cách diệt trừ Việt gian bán nước, làm tay sai cho giặc. Các trận đánh của nghĩa quân đã làm cho Pháp nhiều phen kinh hoàng.

- Ở phía Tây Nam huyện Quảng Trạch, Đoàn Đức Mậu[16] đã tập hợp nhân dân làng Hòa Ninh (nay thuộc xã Quảng Hòa) và các vùng xung quanh như Vĩnh Lộc (nay thuộc xã Quảng Lộc), Minh Lệ (nay thuộc xã Quảng Minh), Vĩnh Phước, La Hà (nay thuộc xã Quảng Văn)… với gần 500 người tiến hành kháng chiến chống Pháp. Nghĩa quân của Đoàn Đức Mậu đã phối hợp với quân Hoàng Phúc, Đề Phú hoạt động mạnh khắp vùng Nam Quảng Bình và phía Bắc Quảng Trị đến Cửa Việt, gây cho Pháp nhiều khó khăn, khiến chúng không thể bình định nhanh chóng, phá tan âm mưu của quân Pháp đưa Đồng Khánh ra Quảng Bình chiêu hồi quân Cần Vương Hàm Nghi.[17]

- Ở làng Cao Lao Hạ (nay thuộc xã Hạ Trạch, Bố Trạch), Lê Mô Khởi[18] đã xây dựng căn cứ Trại Nái làm căn cứ chống Pháp. Đây là một căn cứ kiên cố và vững chắc với lực lượng nghĩa quân lên tới hàng nghìn người. Trong đó, có nhiều nhân vật nổi tiếng tham gia với một bộ chỉ huy gồm đề đốc, lãnh binh, nhiều suất đội, võ sư, võ sĩ tài giỏi. Dựa vào địa thế hiểm trở, nghĩa quân đã tiến hành nhiều cuộc phục kích, tập kích, bao vây bí mật để tiêu hao sinh lực địch và khống chế cả vùng Hoàn Lão, Lý Hòa, Khe Nước, Quảng Khê lên đến vùng trung lưu sông Son. Không chỉ độc lập tác chiến, Lê Mô Khởi còn phối hợp với nghĩa quân Lê Trực, tổ chức nhiều trận đánh hợp đồng và đã đánh thắng nhiều trận, gây cho địch nhiều tổn thất.[19]

- Hữu ngạn sông Gianh là địa bàn khởi nghĩa của nghĩa quân Mai Lượng[20], trải từ vùng thượng nguồn Rào Nan ở Cao Mại (nay thuộc xã Cao Quảng,

---

[16]. Đoàn Đức Mậu là người làng Hòa Minh (nay thuộc xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch), còn gọi là Đoàn Chí Tuân, hiệu Bạch Xỉ (Răng trắng). Ông là người học giỏi, giao thiệp rộng với nhiều nhà khoa bảng và quan lại nhà nước đương thời.

[17]. Võ Thị Ngọc Lan (2004), Những hoạt động chống Pháp và những dấu tích của triều đình kháng chiến Hàm Nghi trên đất Quảng Bình, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Sử học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH Huế, tr.417.

[18]. Lê Mô Khởi còn có tên là Lê Tuấn, Lê Ngọc Thành, người làng Cao Lao Hạ, nay thuộc xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch. Ông đỗ Cử nhân khoa Tân Dậu, triều vua Tự Đức thứ 14 (1861). Ra làm quan lấy tên là Lê Mô Khởi. Ông từng giữ nhiều chức quan như Án sát Hải Dương, sau là Bố chính Hải Dương.

[19]. Lê Thị Kim Dung (2012), "Sự nghiệp Cần Vương của Lê Mô Khởi", Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia về "Danh nhân Quảng Bình", Quảng Bình, tr.444.

[20]. Mai Lượng là người làng Thọ Linh (nay thuộc xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch), đỗ Cử nhân võ năm 27 tuổi (1865), từng làm quan đến chức Hiệp quản, nhưng đã từ chức sau năm 1883.

huyện Tuyên Hóa) đến vùng rừng núi phía Tây huyện Bố Trạch. Nghĩa quân của ông có trên 1.000 người được phiên chế theo tổ chức quân đội triều đình, với căn cứ chính ở Cao Mại, nghĩa quân Mai Lượng thường xuyên liên lạc với triều đình kháng chiến Hàm Nghi và có nhiệm vụ bảo vệ nơi ở của nhà vua từ sườn núi phía Nam.

Hoạt động chống Pháp mạnh mẽ nhất của nghĩa quân Mai Lượng chủ yếu diễn ra từ 1886 đến 1888. Ở khu vực đồng bằng, nghĩa quân đã làm nên nhiều chiến thắng vang dội như Trung Thôn, Biểu Lệ, Hòa Ninh, Lâm Xuân, Diên Trường… Tại miền núi, tháng 6 năm 1886 ông đánh tan toán quân tuần tiễu sông Gianh của Pháp và nhiều lần phục kích, bắt cóc liên lạc viên của giặc để bảo vệ an toàn nơi ở của vua Hàm Nghi.[21] Giặc Pháp và các "đội tự vệ" đã nhiều lần cố thủ ở các nhà thờ để chống trả nghĩa quân. Chúng muốn nghĩa quân đánh vào những giáo dân để gây thù hằn, bóp méo ý nghĩa phong trào Cần Vương. Tuy nhiên, Lãnh binh Mai Lượng đã có cái nhìn xa, tư tưởng tiến bộ. Ông chú trọng vào việc "bình Tây" hơn là "sát tả", ông không mắc mưu giặc kích động chia rẽ đồng bào lương giáo. Trong trận mạc, ông dạy cho quân sĩ luôn luôn bảo vệ tài sản của nhân dân, không giết bừa bãi, đối xử nhân đạo với tù binh. Chính vì thế, nhân dân khắp vùng nô nức tòng quân, ủng hộ, giúp đỡ nghĩa quân Mai Lượng.[22]

Không chỉ những thủ lĩnh được sử sách biết đến mà nhiều anh hùng vô danh khác của quê hương Quảng Bình cũng có những đóng góp xương máu để phụng sự cho triều đình Hàm Nghi nói riêng và sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của dân tộc nói chung. Các cuộc khởi nghĩa của Hoàng Phúc, Đề Chít, Đề Én… là những trường hợp như thế. Hơn thế nữa, những anh hùng, những thủ lĩnh nghĩa quân đó còn được sự ủng hộ tuyệt đối của nhân dân địa phương. Nghĩa quân hoạt động đến đâu thì được nhân dân che chở, giúp đỡ và tham gia đến đó. Người dân xem đây là cuộc chiến của chính mình để bảo vệ mảnh đất quê hương và độc lập chủ quyền của chính đất nước mình nên họ đã đóng góp hết mình cho cuộc kháng chiến về cả công sức và tiền của.[23]

Hoàng Phúc là vệ úy dưới triều Hàm Nghi và là một lãnh tụ Cần Vương chống Pháp ở Quảng Bình. Hiện nay chưa xác định được ông là người xã nào trong tỉnh. Khi vua Hàm Nghi xuất bôn, ông được giao trách nhiệm giữ vùng Ngân Sơn (Lệ Thủy) để liên kết các dân tộc ít người ở hai huyện miền Nam

---

[21]. Nguyễn Quang Trung Tiến (2001), Vua Hàm Nghi với phong trào Cần Vương ở Bình - Trị - Thiên (1885-1888), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Mã số: B2000-07-54, Huế, tr.33-34.

[22]. Hoàng Minh Đức (2008), "Lãnh binh Mai Lượng với phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình", Tạp chí Xưa Nay, số 311, tr.52.

[23]. Nguyễn Thị Thùy Nhung (2013), "Vai trò của nhân dân trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình nửa cuối thế kỷ XIX", Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Quảng Bình, số 3, tr.129.

Quảng Bình (Lệ Thủy, Quảng Ninh) và các nơi dọc Trường Sơn làm hậu thuẫn cho nhà vua ở Tuyên Hóa. Hoàng Phúc đã chỉ huy thắng lợi trận đánh ở đồi Mỹ Lộc diệt gọn cả toán quân Pháp và khố xanh, bắt sống Võ Bá Liêm, trợ lý của người Pháp và triều đình Đồng Khánh. Nghĩa quân Hoàng Phúc đã hoạt động vào đến Quảng Trị, ra đến gần thị xã Đồng Hới, phạm vi ảnh hưởng rất rộng đã làm cho quân viễn chinh Pháp vô cùng khó nhọc trong công cuộc bình định.[24]

Đề Chít, Đề Én là người xã nào, họ thật là gì chưa ai rõ một cách chính xác. Hai ông có chức vụ Đề đốc do vua Hàm Nghi phong cho và được giao nhiệm vụ chỉ huy quân Cần Vương chống Pháp ở đồn Kim Sen, cùng phối hợp với tướng Hoàng Phúc đóng ở Lèn Bạc (Lệ Thủy) án ngự miền Nam tỉnh Quảng Bình. Đề Chít, Đề Én đã làm tròn nhiệm vụ đó. Căn cứ Kim Sen của nghĩa quân nằm ở vị trí có đủ yếu tố chiến đấu phòng ngự. Ngay cả khi vua Hàm Nghi bị bắt, căn cứ này vẫn không bị Pháp đưa quân đến. Tuy nhiên, khi không còn vua - linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Pháp nữa thì căn cứ Kim Sen cũng rút sâu vào rừng Trường Sơn. Đề Chít, Đề Én mai danh ẩn tích.

2.2. Dấu ấn của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình

Để tìm hiểu những dấu ấn cơ bản của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình, chúng ta cần xem xét vị thế của nó trong phong trào Cần Vương cả nước nói chung và đặc biệt là phong trào Cần Vương Bình Trị Thiên nói riêng.

Phong trào Cần Vương phát triển qua hai giai đoạn: Từ 1885 đến 1888, khi còn sự hiện diện của vua Hàm Nghi và từ 1888 đến 1896, sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1/11/1888).

Ở giai đoạn thứ hai của cuộc kháng chiến (1888-1896), điều kiện hoạt động ngày càng khó khăn hơn, số lượng các cuộc khởi nghĩa có giảm bớt, nhưng lại tập trung thành những trung tâm kháng chiến lớn. Điển hình là cứ điểm Ba Đình gắn với tên tuổi của Phạm Bành, Đinh Công Tráng; khởi nghĩa Hùng Lĩnh dưới sự lãnh đạo của Tống Duy Tân, Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao (kéo dài tới năm 1892); khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (nổ ra từ năm 1885) và cuộc khởi nghĩa lớn nhất, kéo dài suốt thời Cần Vương là khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng (kéo dài đến năm 1896).[25] Như vậy, các cuộc khởi nghĩa ở giai đoạn này chủ yếu nổ ra ở khu vực Thanh - Nghệ - Tĩnh, Quảng Bình không còn giữ vị trí tâm điểm như trước nữa khi sơn triều kháng Pháp và vua Hàm Nghi không còn.

Tuy nhiên, có thể khẳng định phong trào Cần Vương ở Quảng Bình phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn đầu, tức khi còn sự hiện diện của vua Hàm Nghi

---

[24]. Nguyễn Tú (2002), Quảng Bình nhân vật chí, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, tr.352.

[25]. Nguyễn Quang Ngọc (cb) (2000), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.224.

và Sơn triều chống Pháp ở miền Tây Quảng Bình. Mặc dù ở giai đoạn này, trên cả nước có rất nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra dưới ngọn cờ Cần Vương như ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Hưng Yên, Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Tĩnh… Trong đó, những cuộc khởi nghĩa có tiếng vang lớn và kéo dài đến giai đoạn sau, tuy nhiên không ở đâu cường độ các cuộc khởi nghĩa lại mạnh mẽ và sôi nổi như ở Quảng Bình.

Nhìn trong khu vực Bình Trị Thiên, Quảng Bình vẫn là nơi phong trào Cần Vương để lại nhiều dấu ấn. Phong trào Cần Vương ở Huế, Quảng Trị đã có dấu hiệu để khởi đầu một phong trào kháng chiến lan rộng ra toàn tỉnh và cả nước nhưng lại không sôi nổi, rầm rộ như ở Quảng Bình. Riêng ở Huế, những biểu hiện của một khuynh hướng chống Pháp đã có ngay từ nội bộ của giai cấp phong kiến lãnh đạo tập trung ở Huế cũng như các sĩ phu, văn thân, quan lại địa phương, các nhà khoa bảng, trí thức phong kiến nông thôn có tinh thần yêu nước. Tuy nhiên, do nằm trong khu vực kiểm soát của triều đình Huế nên bất kỳ cuộc khởi nghĩa nào nổ ra sẽ nhanh chóng bị dập tắt bởi sự đàn áp của lính triều đình và lính Pháp đóng quân ở Huế. Nói như thế không có nghĩa là Thừa Thiên không có phong trào kháng chiến mà ở đây đã sớm biểu hiện một tinh thần chống Pháp và triều đình phong kiến tay sai. Trước đó, sĩ phu Thừa Thiên đã sôi nổi hưởng ứng những hoạt động của phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn, tham gia nổi dậy chống Pháp trong ngày 5 tháng 7 năm 1885 và khi vua Hàm Nghi xuất bôn thì họ sẵn sàng phò vua, dấn thân vào cuộc kháng chiến gian khổ. Đó là lý do vì sao mà ở Thừa Thiên, hoạt động hưởng ứng Dụ Cần Vương nổ ra rất sớm, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của Đặng Hữu Phổ [26], hay cuộc nổi dậy chống lại chế độ lao dịch của thực dân Pháp khi tiến hành mở con đường Huế - Đà Nẵng để dùng vào mục tiêu quân sự và chính trị trước mắt, mục tiêu kinh tế lâu dài.

Có thể nói, trên đất Thừa Thiên, không có cuộc khởi nghĩa nào lớn và kéo dài. Tuy nhiên, đã lôi kéo được đông đảo sĩ phu và nhân dân hưởng ứng, góp phần tạo ra sức mạnh cho cuộc kháng chiến trên toàn tỉnh.

Cũng như Thừa Thiên, Quảng Trị đã sớm hưởng ứng lời kêu gọi của dụ Cần Vương phát ra ngay trên mảnh đất này, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của thân hào miền rừng núi phủ Cam Lộ và huyện Gio Linh dưới sự lãnh đạo của đầu mục Trương Đình Hội và Nguyễn Tự Như. Ngọn cờ khởi nghĩa dấy lên đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Nghĩa quân tụ họp nhanh chóng và tổ chức đánh thành Quảng Trị (5/9/1885). Thành Quảng Trị được nghĩa quân chiếm đóng một cách dễ dàng. Tuy nhiên, phong trào Cần Vương ở Quảng Trị mà đại diện là cuộc khởi nghĩa trên cũng sớm đi vào chỗ bế tắc do không biết

[26]. Ngô Minh Thuấn (2002), "Đặng Hữu Phổ và phong trào Cần Vương ở Thừa Thiên Huế", Tạp chí Xưa Nay, số 120, tr.29.

đoàn kết nhân dân, kể cả giáo dân tham gia kháng chiến; trong chỉ đạo của các chỉ huy đã vấp phải sai lầm, không tập trung tấn công vào kẻ thù chính yếu là quân Pháp mà chỉ tập trung đối phó với giáo dân và do sự đàn áp nhanh chóng, dã man của quân Pháp và lính triều đình. Sau cuộc khởi nghĩa này, phong trào hoạt động của nghĩa quân Quảng Trị dần dần suy yếu và đi đến tan rã.

Phong trào Cần Vương ở Thừa Thiên và Quảng Trị tuy dừng chân sớm, nhưng đã tiếp sức cho phong trào Cần Vương Quảng Bình và cả nước tiến một bước mạnh mẽ. [27]

Quảng Bình là nơi phong trào hưởng ứng dụ Cần Vương diễn sâu rộng nhất với nhiều lãnh tụ khởi nghĩa, nhiều phong trào chống Pháp ủng hộ sơn triều diễn ra trên phạm vi toàn tỉnh. Những cái tên như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Lê Mô Khởi, Đoàn Đức Mậu, Trần Văn Định, Ông Tú Di Luân… hay biết bao anh hùng vô danh khác và nhân dân Quảng Bình đều đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương. Phạm vi của phong trào không chỉ ở miền Tây Quảng Bình – nơi Hàm Nghi và phe chủ chiến chọn làm nơi đứng chân, mà hầu như diễn ra trên địa bàn toàn tỉnh, từ thượng nguồn sông Gianh (nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân) đến trung lưu sông Gianh (nghĩa quân của Lê Trực); từ các huyện phía Bắc đến các huyện phía Nam Quảng Bình (các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Thủy, Quảng Ninh, Tuyên Hóa, Minh Hóa đều có các cuộc khởi nghĩa nổ ra); từ miền xuôi lên miền núi đều là địa bàn hoạt động của phong trào.

So với các địa phương khác, Quảng Bình được chọn là mảnh đất đứng chân của triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Do vậy, Quảng Bình không chỉ đơn thuần lo việc chống Pháp mà còn gánh thêm nhiệm vụ bảo vệ biểu tượng của nền độc lập, bảo đảm cho sự an toàn của vua Hàm Nghi và sơn triều kháng chiến. Quảng Bình vì thế được xem là tâm điểm, là đỉnh cao của phong trào Cần Vương chống Pháp giai đoạn đầu.

Có thể thấy rằng, trên dải đất Quảng Bình, không nơi nào là không in dấu ấn của nhân dân trong phong trào Cần Vương. Mặc dù kinh đô kháng chiến chỉ được xây dựng ở vùng rừng núi miền Tây Quảng Bình, nhưng phong trào ủng hộ Hàm Nghi và sơn triều chống Pháp bùng nổ mạnh mẽ trên khắp địa bàn tỉnh Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung. Các cuộc khởi nghĩa đã nêu trên chính là những minh chứng rõ nét nhất. Chính lòng quả cảm, sự hy sinh và lòng yêu nước thiết tha của nhân dân Quảng Bình đã tác động sâu sắc tới nhận thức và tư tưởng của vua Hàm Nghi, thúc đẩy nhà vua quyết tâm duy trì cuộc kháng chiến chống Pháp đến cùng. Vì thế, cho dù sau này khi đã rơi vào tay Pháp, nhà vua vẫn không buông xuôi, không chịu đầu hàng kẻ thù và chấp nhận cuộc

---

[27]. Hoàng Xuân Đạt (1987), Tìm hiểu phong trào Cần Vương Bình - Trị - Thiên (1885-1888), Luận văn tốt nghiệp Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Huế, tr.55-61.

sống lưu đày. Trong khoảng thời gian 4 năm 3 tháng trị vì trên ngai vàng (8/1884 - 11/1888), vua Hàm Nghi đã có tới 3 năm gắn bó với vùng rừng núi Quảng Bình (10/1885 - 10/1888) để lãnh đạo triều đình kháng chiến đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.[28]

Nhân dân Quảng Bình ủng hộ lương thực, thực phẩm nuôi quân, động viên chồng, con, cha, anh tham gia trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu và chính họ là những người phải gánh chịu mọi đau thương, tổn thất trước sự đàn áp tàn khốc của lực lượng Pháp - Nam triều nhằm dập tắt phong trào đấu tranh quyết liệt ở tất cả các làng xã từ vùng biển đến vùng núi. Do vậy, không chỉ nhân dân miền xuôi mà đồng bào các dân tộc ở miền Tây Quảng Bình đều có đóng góp tích cực cho sự tồn tại của triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Không bất kỳ nơi nào, các cuộc khởi nghĩa ủng hộ vua Hàm Nghi và Sơn triều chống Pháp lại nổ ra sôi nổi và rầm rộ như ở Quảng Bình. Do vậy, sau khi phong trào Cần Vương bị dập tắt, nhân dân lập đền thờ những thủ lĩnh nghĩa quân ngay trên quê hương họ. Các lãnh tụ nghĩa quân như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Cao Thượng Chí… đều có đền thờ ở địa phương để tưởng nhớ công ơn và cổ vũ nhân dân đấu tranh.

Chính sự hưởng ứng sôi nổi, đấu tranh quyết liệt của nhân dân Quảng Bình đã làm cho phong trào Cần Vương ở đây phát triển mạnh mẽ và gặt hái được nhiều thành quả to lớn, khiến thực dân Pháp phải lo sợ và gây cho chúng nhiều thiệt hại. Trong suốt 3 năm (1885-1888) có rất nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra và lôi cuốn mọi thành phần nhân dân trong tỉnh tham gia. Phong trào đã diễn ra trên một địa bàn rộng lớn và có sự phối hợp chiến đấu. Chính vì thế, tính chất nhân dân trong cuộc kháng chiến ở Quảng Bình thể hiện rất đậm nét. Mặc dù cuối cùng, vua Hàm Nghi bị bắt, các cuộc khởi nghĩa đều bị đàn áp nhưng ảnh hưởng và tiếng vang của phong trào là vô cùng lớn. Những đóng góp của nhân dân Quảng Bình đã góp phần khiến nơi này trở thành trung tâm Cần Vương để nhân dân cả nước gửi gắm niềm tin và tiếp tục phát triển cuộc kháng chiến cứu nước giải phóng dân tộc. Tuy phong trào ở đây tồn tại trong khoảng thời gian không dài như các tỉnh khác (1885-1888) nhưng lại có ý nghĩa và tác động lớn lao đối với phong trào Cần Vương cả nước. Có thể nói, Quảng Bình xứng đáng là "Kinh đô kháng chiến" và là đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương của vị vua yêu nước Hàm Nghi.

2.3. Những dấu tích của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình

Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình đã đi qua gần 130 năm nhưng những dấu tích của triều đình kháng chiến Hàm Nghi vẫn còn tồn tại mãi, nhất là ở mảnh đất Minh Hóa ngày nay.

---

[28]. Nguyễn Quang Trung Tiến (2012), "Vua Hàm Nghi và Sơn triều kháng Pháp ở Quảng Bình", Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia về "Danh nhân Quảng Bình", Quảng Bình, tr.386.

Dấu tích đầu tiên phải nhắc đến là Thành Đồng Hới. Trong phong trào Cần Vương, nhân dân Đồng Hới đã tham gia nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân chỉ huy, 3 lần đột nhập thành Đồng Hới. Trong cả ba lần tấn công đó, nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân đều gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề, triều đình bù nhìn Đồng Khánh không dám ở lại Quảng Bình mà phải rút nhanh về Huế theo đường thủy. Do sự tàn phá của chiến tranh, thành Đồng Hới giờ chỉ còn hơn một nửa. Đoạn thành phía Đông đã bị sập hoàn toàn, đoạn thành phía Nam còn lại 2/3 tương đối nguyên vẹn. Thành Đồng Hới đã được Bộ Văn hóa Thông tin ra Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 công nhận là di tích lịch sử kiến trúc thành lũy.

Tiếp đến là chiến khu Chóp Chài - Trung Thuần, đây là căn cứ của nghĩa quân Lê Trực. Hưởng ứng dụ Cần Vương của vua Hàm Nghi, Lê Trực mộ quân, xây dựng lực lượng, sản xuất quân lương, liên tiếp tổ chức những trận tập kích, phục kích, công đồn từ năm 1885 đến năm 1888, làm cho quân Pháp và triều đình Huế hết sức lo sợ và đã bảo vệ cho trung tâm đầu não chỉ huy cuộc kháng chiến của vua Hàm Nghi ở vùng Minh Hóa. Trong các cuộc kháng chiến về sau, Trung Thuần tiếp tục giữ vai trò là căn cứ địa quan trọng của quân và dân ta, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Căn cứ Trại Nái (Ba Trại) ở làng Cao Lao Hạ là căn cứ khởi nghĩa của Lê Mô Khởi. Địa hình Trại Nái do những triền đồi nhấp nhô tạo thành, với rừng cây rậm rạp bao phủ, chằng chịt mây song, lau lách, với hàng trăm loài muông thú sinh sống, tạo điều kiện cho nghĩa quân hoạt động. Đây là vùng đất lý tưởng để thực hiện những trận phục kích, tiếp tục chống trả các cuộc hành quân của địch. Do vậy mà nghĩa quân đã bảo vệ được doanh trại của mình và đẩy lui được nhiều cuộc càn quét của địch.

Eo Lèn (Eo Lập Cập) là địa điểm diễn ra cuộc đụng độ đầu tiên của nghĩa quân với thực dân Pháp. Trước sự truy đuổi gắt gao của quân Pháp, vua Hàm Nghi rời xóm Lim lánh vào núi Ma Rai (thuộc tổng Kim Linh). Ngày 26 tháng 12 năm 1885, một đoàn quân pháo thủ Bắc Kỳ do đại úy Hugot chỉ huy từ Vinh lên đón đánh vua Hàm Nghi ở Ba Nương. Trên đường đuổi bắt vua Hàm Nghi, đội quân đến eo Lập Cập, quân nhà vua đã phục kích và tiêu diệt hơn một nửa đội quân Pháp, đại úy Hugot bị trúng tên phải rút về Vinh vào ngày 28 tháng 12 năm 1885. Đến ngày 3 tháng 1 năm 1886, Hugot chết do tên độc phát tác. Từ thắng lợi trên, eo Lập Cập trở thành nỗi kinh hoàng, khiếp sợ của giặc Pháp mỗi khi đặt chân lên miền Tây núi rừng Quảng Bình.

Căn cứ Ma Rai - Hóa Sơn, Minh Hóa là nơi mà vua Hàm Nghi từng đi qua và đứng chân. Ở Ma Rai, vua Hàm Nghi xây dựng kinh đô Cần Vương ở đây được 3 tháng, nhưng do mất cảnh giác nên quân Pháp vào đến Phả Lai (Hóa

Lương - Hóa Sơn), tại đây đã xảy ra một trận quyết chiến do Tác Bình Đinh Văn Lưu chỉ huy, nghĩa quân thắng lợi. Sau đó nhà vua và Tôn Thất Thuyết thấy không trụ lại ở đây được nữa nên đã quyết định rút khỏi thung lũng Ma Rai đi về hướng Tây. Hóa Sơn còn là địa danh gắn với câu chuyện vàng thời vua Hàm Nghi mà ngày nay vẫn còn nhiều bí ẩn.

Căn cứ Khe Ve - Hóa Thanh, Minh Hóa là nơi đứng chân tiếp theo của vua Hàm Nghi và triều đình kháng chiến sau khi rời căn cứ Ma Rai – Hóa Sơn. Nơi đây đã diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa nghĩa quân với thực dân Pháp. Đặc biệt, nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân đã lập nhiều chiến công lớn ở mặt trận Khe Ve, bắn chết viên quan hai Camus, quan ba Hugot, buộc đại tá Metzinger phải rút quân về Đồng Hới.

Đèo Mụ Giạ là một địa danh thân thiết đối với đồng bào các dân tộc ở miền Tây Quảng Bình trên vùng biên giới Việt - Lào. Đây là nơi đội quân của vua Hàm Nghi và danh tướng Tôn Thất Thuyết đã từng đặt chân tới, làm căn cứ địa chống Pháp ở vùng Tây Tuyên Hóa (Minh Hóa ngày nay) từ năm 1885 đến 1888.[29]

Những dấu tích trên của phong trào Cần Vương do biến cố lịch sử, thời gian nên ngày nay có thể còn, mất hoặc không còn nguyên vẹn nữa, tuy nhiên ý nghĩa giáo dục của những di tích này là vô cùng to lớn đối với thế hệ trẻ hôm nay. Thiết nghĩ các cơ quan chức năng nên có biện pháp bảo tồn và tôn tạo tùy theo hiện trạng đối với những di tích này để giáo dục truyền thống anh hùng của cha ông cho các thế hệ mai sau.

3. Một vài kết luận

3.1. Xét trong tiến trình lịch sử của dân tộc, phong trào Cần Vương ở Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung là sự kế tiếp truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của ông cha ta.

Mỗi khi đất nước bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại bùng lên một cách mạnh mẽ. Những tấm gương từ vua Hàm Nghi - vị vua trẻ tuổi yêu nước, Tôn Thất Thuyết - một tấm lòng trung quân ái quốc đến các lãnh tụ nghĩa quân ở Quảng Bình như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lượng, Đoàn Đức Mậu… đã anh dũng chiến đấu hy sinh sẽ còn sống mãi trong lòng nhân dân Quảng Bình và toàn dân tộc. Đặc biệt, trong phong trào vai trò của nhân dân được khắc họa rõ nét, đặc biệt là các dân tộc thiểu số miền Tây núi rừng Quảng Bình. Điều đó chứng tỏ rằng, không chỉ nhân dân miền xuôi mà đồng bào các dân tộc thiểu số cũng luôn hăng hái đấu tranh mỗi khi có giặc ngoại xâm.

---

[29]. Phần này có tham khảo tài liệu của tác giả: Võ Thị Ngọc Lan (2004), Những hoạt động chống Pháp và những dấu tích của triều đình kháng chiến Hàm Nghi trên đất Quảng Bình, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Sử học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH Huế, tr.77-101.

3.2. Trong giai đoạn đầu của phong trào Cần Vương, núi rừng miền Tây Quảng Bình đã trở thành trung tâm của phong trào chống Pháp trên cả nước.

Ở đây, các sĩ phu, quan lại yêu nước đã đoàn kết, gắn bó chung quanh Hàm Nghi, tổ chức xây dựng căn cứ kháng chiến, duy trì và bảo vệ ngọn cờ Hàm Nghi. Với tinh thần ngày một mạnh mẽ như vậy, nghĩa quân đã đánh bại Pháp ngay trong cả những trận đầu tiên. Đây không phải là sự thất bại của một đội quân có tổ chức mà là sự thức dậy đầy phẫn nộ của cả một dân tộc trước một đất nước bị xâm lược và trước sự bất lực của triều đình Huế. Chính vì thế, phong trào Cần Vương không phải là "một cuộc nổi dậy tự phát của quần chúng, mà là sự quật khởi có ý thức của một dân tộc rất Á Đông khi họ lấy núi rừng làm điểm tựa.[30] Đến khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào không vì thế mà lụi tàn hẳn, trái lại vẫn tiếp diễn, tuy không mạnh mẽ như ban đầu.

3.3. Việc vua Hàm Nghi chọn Quảng Bình làm điểm đứng chân cho phong trào Cần Vương đã khiến phong trào nơi đây mang một sắc thái khác so với những địa phương trên toàn quốc.

Ở đây, mật độ các cuộc khởi nghĩa dày đặc hơn, quân Pháp lại tổ chức càn quét nhiều hơn hết bất cứ vùng nào. Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình không chỉ đơn thuần là hưởng ứng theo tiếng gọi Cần Vương mà còn có nhiệm vụ bảo vệ vua Hàm Nghi - linh hồn của cuộc kháng chiến, góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc cuối thế kỷ XIX.

Hơn một thế kỷ đã trôi qua nhưng những hình ảnh, dấu tích của phong trào Cần Vương vẫn còn dư âm mãi. Nhân dân Quảng Bình vẫn luôn kể lại những câu chuyện lịch sử về vua Hàm Nghi với một tấm lòng kính phục và ngưỡng mộ nhất. Những tên đất, tên người nơi đây đã gắn bó với một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, mang ý nghĩa cổ vũ to lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giai đoạn sau cũng như công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay.

---

[30]. Vùng Lèn Tuyên Hóa (bản in rôneô), Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Minh Hóa, tr.24.